TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ THÀNH PHỐ** **HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/KDTM- ST
Ngày: 14 - 9 - 2018
V/v: Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Văn Tuyến.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Nhật
Bà Nguyễn Thị Chiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2018/TLST-KDTM ngày 09 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn kính xây dựng V;

Địa chỉ trụ sở: Khu B, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Giám đốc; có mặt.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu xây dựng T.

Địa chỉ: Cụm 3, thôn V, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật (ghi trong Giấy đăng ký kinh doanh): Ông Nguyễn Hữu T, chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

Người đại diện theo chỉ định của Tòa án tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị N, là cổ đông góp vốn thành lập Công ty cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu xây dựng T; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời trình bày của người đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn kính xây dựng V trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thì:

Ngày 25/8/2017, Công ty trách nhiệm hữu hạn kính xây dựng V (sau đây gọi là công ty V, bên B) ký Hợp đồng kinh tế số: 2508/V-TTS GLASS/2017 với Công ty cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu xây dựng T (gọi tắt là Công ty T, bên A), về việc mua bán kính xây dựng, giá trị của Hợp đồng là 900.192.793 đồng (Chín trăm triệu, một trăm chín mươi hai nghìn, bảy trăm chín mươi ba đồng). Hai bên thỏa thuận sau khi bên B hoàn thành thủ tục thanh toán tiền hàng thì bên A sẽ giao hàng tại kho của khách hàng trong khoảng 20-25 ngày làm việc kể từ ngày bên A nhận được tiền tạm ứng của bên B. Ngay sau khi Hợp đồng được ký kết, Công ty V đã đặt cọc cho Công ty T 20% giá trị Hợp đồng. Ngày 27/9/2017, Công ty T gửi thông báo nhận hàng và yêu cầu Công ty V thanh toán 80% giá trị còn lại của Hợp đồng, phía Công ty V đã thực hiện chuyển khoản đúng như thông báo. Tuy nhiên, sau nhiều ngày Công ty T vẫn không giao hàng như thỏa thuận.

Đến ngày 09/10/2017, ông Nguyễn Hữu T, Giám đốc Công ty T thừa nhận không có hàng hóa để chuyển cho Công ty V và Công ty T chấp nhận chuyển trả lại toàn bộ số tiền đã nhận cho Công ty V. Từ ngày 10/10/2017 đến ngày 31/01/2018, Công ty T đã chuyển trả cho Công ty V tổng số tiền là 794.090.000 đồng (Bảy trăm chín mươi tư triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng). Cũng trong ngày 31/01/2018, giữa Công ty V và Công ty T đã thỏa thuận ký Biên bản hủy bỏ hợp đồng kinh tế số: 2508/V-TTS GLASS/2017, Biên bản xác nhận và đối chiếu công nợ. Số tiền còn lại 106.102.713 đồng Công ty T có hẹn trả cho Công ty V trong thời hạn 30 ngày nhưng đến nay vẫn chưa chuyển trả cho Công ty V. Vì vậy, Công ty V khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Công ty T phải hoàn trả và bồi thường theo đúng thỏa thuận của Hợp đồng.

- Bị đơn là Công ty T đã được Tòa án thông báo cho biết về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn nhưng trong suốt quá trình Tòa án thụ lý, điều tra không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn cũng không xuất trình tài liệu chứng cứ gì để phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Quá trình điều tra, Tòa án đã có văn bản đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cung cấp thông tin về Công ty T. Tại Công văn số 1352/CCTT-ĐKKD ngày 12/6/2018 của Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội đã cung cấp cho Tòa án các thông tin về Công ty T. Qua đó, Tòa án đã xác định được Công ty T có 03 thành viên góp vốn thành lập Công ty gồm ông Nguyễn Hữu T là Giám đốc, các thành viên còn lại là bà Nguyễn Thị T1 và bà Nguyễn Thị N; đều có địa chỉ tại xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, theo xác minh tại địa phương và cung cấp thông tin của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an thì ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị T1 đã xuất cảnh từ tháng 3/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Căn cứ

Luật doanh nghiệp 2014, Tòa án đã ra Quyết định cử bà Nguyễn Thị N là thành viên còn lại của Công ty T là người đại diện Công ty tham gia tố tụng.

Bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà có biết việc ông Nguyễn Hữu T thành lập Công ty nhưng bà hoàn toàn không góp vốn cùng với ông T và bà T để thành lập Công ty T. Bà không tham gia bất kỳ hoạt động kinh doanh nào của Công ty T và không biết việc Công ty ký Hợp đồng kinh tế với Công ty V như đã nêu trên. Vì vậy, bà N không biết và sẽ không có trách nhiệm gì đối với khoản nợ của Công ty T đối với Công ty V.

Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án buộc phía bị đơn phải trả số tiền 106.102.000 đồng (làm tròn) và bồi thường theo mức lãi suất chậm trả pháp luật qui định kể từ tháng 3/2018 đến nay.

Người đại diện của Bị đơn theo chỉ định của Tòa án có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng pháp luật qui định. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 360, 357, 419 Bộ luật dân sự; 302, 303, 304, 312, 314 Luật Thương mại, buộc Công ty T phải trả Công ty V số tiền 106.102.713 đồng và số tiền lãi chậm trả theo qui định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 25/8/2017, Công ty trách nhiệm hữu hạn kính xây dựng V ký Hợp đồng kinh tế với Công ty cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu xây dựng T về việc mua bán kính xây dựng nhằm mục đích lợi nhuận, đây là quan hệ mua bán hàng hóa theo quy định của Luật Thương mại 2005. Sau đó, giữa Công ty cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu xây dựng T và Công ty trách nhiệm hữu hạn kính xây dựng V đã thỏa thuận hủy bỏ hợp đồng mua bán mà hai bên ký kết, Công ty T trả lại tiền đã nhận cho Công ty V. Tuy nhiên, do Công ty T không trả đầy đủ số tiền đã nhận nên Công ty V khởi kiện. Công ty T là bị đơn có địa chỉ trụ sở tại xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, vì vậy Toà án nhân dân huyện Đ thụ lý đơn khởi kiện của Công ty V và xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa là phù hợp với các quy định tại Điều 30, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Giao dịch giữa Công ty V ký Hợp đồng kinh tế với Công ty T được xác lập từ ngày 25/8/2017, sau đó Công ty T thừa nhận không có hàng để giao cho Công ty V theo thỏa thuận nên ngày 31/01/2018 hai bên đã ký biên bản thỏa thuận hủy bỏ Hợp đồng kinh tế

đã ký kết và xác nhận, đối chiếu công nợ. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 31/01/2018, Công ty T phải thanh toán đầy đủ toàn bộ số tiền còn thiếu cho Công ty V. Hết thời hạn theo thỏa thuận, Công ty T không thực hiện cam kết, do đó xác định thời điểm quyền nghĩa vụ của Công ty V bị xâm phạm tính từ ngày 01/3/2018. Tháng 4/2018 Công ty V khởi kiện tại Tòa án là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 319 Luật Thương mại 2005.

Nguyên đơn và Bị đơn là hai pháp nhân giao kết hợp đồng nhằm mục đích lợi nhuận, là hoạt động kinh doanh thương mại quy định tại Luật Thương mại. Vì vậy, khi xảy ra tranh chấp Toà án sẽ căn cứ các quy định của Luật thương mại 2005, Bộ luật dân sự 2015 về Hợp đồng mua bán hàng hoá và Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác định được Công ty T có 03 thành viên góp vốn thành lập Công ty gồm ông Nguyễn Hữu T là Giám đốc, các thành viên còn lại là bà Nguyễn Thị T1 và bà Nguyễn Thị N; đều có địa chỉ theo hồ sơ pháp nhân là tại xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, do ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị T1 đã xuất cảnh đi khỏi Việt nam từ tháng 3/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Tòa án đã ra Quyết định cử bà Nguyễn Thị N là thành viên còn lại của Công ty T là người đại diện Công ty tham gia tố tụng là phù hợp với qui định Luật doanh nghiệp 2014.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Căn cứ Hợp đồng kinh tế số: 2508/V-TTS GLASS/2017 ngày 25/8/2017 và Đơn đặt hàng ngày 25/8/2017 giữa Công ty T với Công ty V, xác định được hai bên đã xác lập giao dịch hợp đồng theo đó Công ty T sẽ bán cho Công ty V kính xây dựng, tổng giá trị hợp đồng là 900.192.793 đồng (Chín trăm triệu, một trăm chín mươi hai nghìn, bảy trăm chín mươi ba đồng).

Căn cứ vào các chứng từ giao dịch ngày 29/8/2017, Biên bản xác nhận và đối chiếu công nợ giữa hai bên ngày 31/01/2018, xác định được Công ty T đã nhận của Công ty V tổng số tiền 900.192.793 đồng (Chín trăm triệu, một trăm chín mươi hai nghìn, bảy trăm chín mươi ba đồng) nhưng Công ty T không chuyển giao hàng hóa cho Công ty V theo đúng thỏa thuận. Tuy nhiên, ngày 31/01/2018 giữa hai bên đã tự nguyện thỏa thuận lập Biên bản hủy bỏ Hợp đồng kinh tế đã ký kết và hoàn lại số tiền đã giao nhận cho nhau. Tính đến ngày 31/01/2018 thì Công ty T đã trả lại cho công ty V số tiền là 794.090.000 đồng, còn nợ lại số tiền 106.102.713 đồng. Công ty T cam kết sẽ trả cho Công ty V trong thời hạn 30 ngày nhưng sau đó không thực hiện đúng cam kết. Do đó, Công ty V đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu Công ty T phải trả lại số tiền làm tròn là 106.102.000 (Một trăm linh sáu triệu, một trăm lẻ hai nghìn đồng) là có căn cứ và được chấp nhận.

+ Về yêu cầu bồi thường thiệt hại: Mặc dù Công ty T có hành vi vi phạm Hợp đồng kinh tế đã ký kết nhưng giữa hai bên đã thống nhất hủy bỏ hợp đồng và hoàn trả lại số tiền đã giao nhận cho nhau. Thực tế thì phía Công ty T đã trả lại Công ty V số tiền 794.090.000 đồng, còn nợ lại 106.102.713 đồng. Tuy trong Biên bản xác nhận và đối

chiếu công nợ ngày 31/01/2018 có ghi nhận Công ty T đồng ý thanh toán số tiền còn nợ lại cho Công ty V trong thời hạn 30 ngày và "trong trường hợp Công ty T không đủ tài sản để thanh toán cho Công ty V thì ông Nguyễn Hữu T sẽ dùng tài sản cá nhân hoặc tiền mặt để thanh toán cho Công ty V đúng thời hạn trong vòng 30 ngày, nếu chậm thanh toán thì ông Trường đồng ý chịu bồi thường thiệt hại 1%/ngày tính trên số tiền nợ lại".

Xét cam kết trên là của cá nhân ông Nguyễn Hữu T, nhưng ông T hiện không có mặt địa chỉ cư trú và việc thỏa thuận trên của cá nhân ông Trường với Công ty V là chưa phù hợp với qui định của pháp luật. Tuy nhiên, xác định Công ty T đã chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho Công ty V thỏa thuận nên áp dụng qui định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, để buộc Công ty T thanh toán khoản tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán đối với Công ty V là phù hợp.

Như vậy, ngoài số tiền còn nợ là 106.102.713 đồng thì Công ty T phải thanh toán cho Công ty V số tiền do chậm thanh toán từ ngày 01/3/2018 đến nay là: 106.102.713 đồng x 1.66% x 6 tháng 14 ngày = 11.382.000 đồng.

[3]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn là Công ty V được chấp nhận nên không phải chịu án phí; hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn là Công ty T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30, 35, 39, 147, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 24, 34, 35, 37, 302, 303, 304, 312, 314 và Điều 319 Luật Thương mại; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn kính xây dựng V đối với Công ty cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu xây dựng T.

Buộc Công ty cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu xây dựng T trả Công ty Trách nhiệm hữu hạn kính xây dựng V số tiền còn nợ là 106.102.000 đồng và số tiền lãi phát sinh là 11.382.000 đồng. Tổng cộng: 117.482.000 đồng (Một trăm mười bảy triệu, bốn trăm tám mươi hai nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10% tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí: Công ty cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu xây dựng T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 5.874.000 đồng (Năm triệu tám trăm bảy mươi tư nghìn đồng).

Trả lại Công ty Trách nhiệm hữu hạn kính xây dựng V số tiền 2.653.000 đồng (Hai triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005938 ngày 09/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Doãn Văn Tuyến